

# **ĐIỂM MỚI CỦA QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN CỦA GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC**

Ngày 26/10/2020, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Theo Điều 2 Thông tư, viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục đại học công lập, có các mã số, hạng và chức danh nghề nghiệp sau:

1. Giảng viên cao cấp (hạng I)- Mã số: V.07.01.01
2. Giảng viên chính (hạng II)- Mã số: V.07.01.02
3. Giảng viên (hạng III) - Mã số: V.07.01.03
4. Trợ giảng (hạng III) - Mã số: V.07.01.23

Ứng với từng chức danh nghề nghiệp nêu trên, pháp luật quy định giảng viên đại học cần có các tiêu chuẩn tương ứng. Các tiêu chuẩn này gồm 3 nội dung: (1) tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp; (2) tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, và (3) tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Về tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, Thông tư quy định chung cho tất cả các chức danh nghề nghiệp của giảng viên. Cụ thể, mọi giảng viên đại học phải đáp ứng tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp theo Điều 3 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT như sau:

1. Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hòa nhã với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (sau đây gọi chung là người học); bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.
2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục đại học công lập và các quy định pháp luật của ngành.
3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.
4. Các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp, tùy theo hạng chức danh nghề nghiệp, giảng viên cần đáp ứng tiêu chuẩn tương ứng về (2) tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, và (3) tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Trong đó, có yêu cầu giảng viên đại học tùy theo hạng mà có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên tương ứng với hạng như giảng viên hạng III phải có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III); giảng viên hạng II phải có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) và giảng viên hạng I phải có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I). Tuy nhiên, **kể từ ngày 19/4/2022**, Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT đã bị sửa đổi bởi Thông tư 04/2022/TT-BGDĐT nên giảng viên đại học dù ở hạng nào nay chỉ cần **một chứng chỉ duy nhất** cho tất cả các hạng, đó là chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại

học. Đồng thời, Thông tư 04/2022/TT-BGDĐT còn quy định giải quyết cho các trường hợp giảng viên đã được bổ nhiệm vào các hạng trước khi Thông tư 04/2022/TT-BGDĐT có hiệu lực (tức trước ngày 19/4/2022) thì chỉ cần có một trong 3 loại chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III, hạng II hoặc hạng I) là xem như tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học (chứng chỉ loại mới theo Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT) và được dùng chứng chỉ đó để nâng hạng mà không cần phải có loại chứng chỉ mới hay chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng tương ứng với hạng mong muốn nâng hạng. Ví dụ, ngày 10/5/2021, A đã được bổ nhiệm là giảng viên hạng III và đến tháng 12/2022, A muốn tham gia thi thăng hạng lên giảng viên hạng II thì A được quyền sử dụng chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) của mình để dự thi nâng hạng, không cần phải có chứng chỉ loại mới cũng như không cần có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II). Thêm vào đó, các chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III, hạng II và hạng I đã được cấp trước ngày 30/6/2022 thì xem như tương đương chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học (tức chứng chỉ loại mới). Đây là quy định mới tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên trong việc nâng hạng nhưng vẫn đảm bảo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ.

Như vậy, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo và chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể của các chức danh giảng viên đại học **hiện nay** như sau:

**Đối với trợ giảng, phải đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều 4 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT như sau:**

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, thực tập và có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo;

b) Hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;

c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học;

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng (hạng III).

**Đối với, giảng viên (hạng III), phải đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều 5 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT như sau:**

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng thạc sỹ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm vững kiến thức cơ bản của môn học được phân công giảng dạy; có kiến thức tổng quát về một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;
- b) Hiểu và thực hiện đúng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công thuộc chuyên ngành đào tạo. Xác định được thực tiễn và xu thế phát triển đào tạo, nghiên cứu của chuyên ngành ở trong và ngoài nước;
- c) Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; giảng dạy đạt yêu cầu trở lên;
- d) Có khả năng nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào giảng dạy và các công việc được giao;
- d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên (hạng III).

**Đối với giảng viên chính (hạng II), phải đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều 6 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT như sau:**

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng thạc sỹ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

- a) Có kiến thức vững vàng về các môn học được phân công giảng dạy và kiến thức cơ bản của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;
- b) Hiểu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, kế hoạch, nội dung, chương trình các môn học được phân công đảm nhiệm; nắm bắt kịp thời yêu cầu thực tiễn đối với chuyên ngành đào tạo;
- c) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;
- d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;
- d) Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;
- c) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên chính (hạng II);
- g) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 lên chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sỹ, đủ 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sỹ; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**Đối với giảng viên cao cấp (hạng I), phải đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều 7 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT như sau:**

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng tiến sỹ phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

- a) Có kiến thức chuyên sâu về các môn học được phân công giảng dạy và có kiến thức vững vàng của một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao đảm nhiệm;
- b) Nắm vững thực tế và xu thế phát triển của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của chuyên ngành;
- c) Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;
- d) Hướng dẫn ít nhất 02 (hai) học viên được cấp bằng thạc sỹ hoặc hướng dẫn chính hoặc phụ ít nhất 01 (một) nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sỹ;

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành thuộc nhóm ngành khoa học sức khỏe, hướng dẫn 01 (một) học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa hoặc bác sỹ nội trú được tính như hướng dẫn 01 (một) học viên được cấp bằng thạc sỹ.

Đối với giảng viên giảng dạy các ngành nghệ thuật có thể thay thế việc hướng dẫn chính hoặc phụ 01 (một) nghiên cứu sinh bằng 01 (một) công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng có uy tín trong và ngoài nước.

Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 (hai) lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định tại điểm c khoản này;

d) Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;

e) Tác giả của ít nhất 06 (sáu) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên cao cấp (hạng I);

h) Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 lên chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 (sáu) năm; trong đó phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng II), mã số V.07.01.02 tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.